

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/3/2019.

V/v ly hôn giữa chị T và anh H.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

2. Bà **Trần Thị Dung**

- Thư ký phiên tòa: Cô **Lê Hồng Loan** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 224/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/20189/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ HKTT: phường A, quận N, thành phố C.

Chỗ ở: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh H.

* Bị đơn: Ông **Đỗ Văn H**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Đỗ Văn H tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố C vào ngày 21/5/2011, giấy đăng ký số 73, quyển số 01. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối năm 2017 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây cãi và ông H đã có hành vi đánh bà. Bà đã cố gắng tìm biện pháp hàn gắn để duy trì hôn nhân nhưng không đạt được kết quả. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên bà xin được ly hôn với ông Đỗ Văn H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Khánh D (nam) sinh ngày 20/3/2012. Hiện nay cháu D đang sống với bà, nếu ly hôn bà có nguyện vọng nuôi con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng .

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có.

Bị đơn ông Đỗ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa nên không thể ghi nhận ý kiến của ông H được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu và đồng ý để Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định:

Về thủ tục: Ông Đỗ Văn H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông H vắng nhà, Tòa án cũng đã thực hiện việc giao văn bản tố tụng tại nơi cư trú cho người nhà của ông H ký nhận thay và cam kết sẽ giao cho ông H theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông H là phù hợp quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập ông H đến nhằm tạo điều kiện hòa giải hàn gắn hạnh phúc cho đôi bên nhưng ông H không đến điều đó chứng tỏ ông H không tha thiết đoàn tụ, mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã thực sự không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Bà T và ông H có 01 con chung là cháu Đỗ Khánh D (nam) sinh ngày 20/3/2012, cháu D hiện tại đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T có yêu cầu được nuôi cháu D. Bà T cũng đã cung cấp cho Tòa án 01 đơn xin xác nhận, có xác nhận của Giám hiệu trường tiểu học P xác nhận cháu D đang theo học lớp 1A của trường, điều đó cho thấy mặc dù hôn nhân giữa bà T và ông H rạn nứt nhưng việc chăm sóc, nuôi dạy con chung vẫn được bà T quan tâm đầy đủ. Hội đồng xét xử thấy rằng không nên làm sáo trộn cuộc sống của cháu D nên chấp nhận yêu cầu tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, bà T có yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà T không cung cấp được mức lương cố định của ông H và do ông H vắng mặt nên không thể ghi nhận được sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quy định về mức lương tối thiểu do nhà nước quy định để buộc người không trực tiếp nuôi dạy con chung phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung bằng mức $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản, tương ứng 1.390.000 đồng/2 là 695.000 nhưng làm tròn là 700.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tuyên xác định không có và do xét xử vắng mặt ông H nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật; ông H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 ngày 26/12/2016 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao quy định án phí, lệ phí tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Đỗ Văn H.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung là cháu Đỗ Khánh D (nam) sinh ngày 20/3/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung cho ông H không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu Đỗ Khánh D, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 004985 ngày 13/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C thành án phí hôn nhân, bà T không phải nộp thêm. Ông Đỗ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- UBND phường An Khánh, QNK, TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG